

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày 22-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lại Thị Ngọc Liên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 584/2019/TLST-DS ngày 12/12/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 10/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 16A/1 khu phố M1, phường D, thành phố A, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: Số 41H, tổ 18-19, khu phố L2, phường D, thành phố A, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Quốc Đ, sinh năm 1975; thường trú: Số 67B/23 khu phố Đ, phường D, thành phố A, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Ngày 16/12/2018, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), việc vay tiền được thể hiện tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay từ ngày 16/12/2018 đến ngày 16/02/2019, mục đích vay để sửa chữa nhà. Việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền có sự làm chứng của anh Trần Quốc Đ. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không trả lại cho nguyên đơn số tiền đã cho bị đơn vay mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc đã vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/12/2018 có chữ ký và dấu lấn tay của anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/3/2020 và tham gia phiên tòa vào các ngày 04/5/2020 và ngày 22/5/2020 nhưng anh Q và chị N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2019, người làm chứng anh Trần Quốc Đ trình bày: Anh Đ là bạn bè với anh Đ, anh Q và chị N. Ngày 16/12/2018, anh Đ chứng kiến anh Đ cho anh Q và chị N vay số tiền 300.000.000 đồng. Anh Q và chị N đã đem lại đủ số tiền. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kim O là vợ của anh Phạm Văn Đ. Quá trình tố tụng, chị O xác định không liên quan gì đến số tiền anh Đ cho anh Q và chị N

vay, đó là tiền riêng của anh Đ, đồng thời chị O đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Tòa án không đưa chị O vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/12/2018 có cơ sở xác định anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 16/02/2019, đến hạn thanh toán nhưng bị đơn không trả lại tiền cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc 300.0000.000 đồng là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 16/12/2018, đồng thời bị đơn cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh bị đơn không vay nợ của nguyên đơn hoặc đã thanh toán xong các khoản nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền đã vay 300.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Đ không phải chịu. Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 468, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Văn Đ đối với bị đơn anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N phải thanh toán cho anh Phạm Văn Đại số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Bùi Văn Q và chị Nguyễn Thị N phải nộp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh B hoàn trả cho anh Phạm Văn Đ 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0039806, ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh B.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP A;
- Chi cục THADS TP A;
- Dương sự;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Thị Ngọc Liên**

